

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 036 /UBND-NC

Xuân Lộc, ngày 14 tháng 3 năm 2018

V/v triển khai thực hiện Quyết định
số 905/QĐ-UBND ngày 08/3/2018
của UBND tỉnh Đồng Nai

Kính gửi:

- Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin;
- Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (**đính kèm văn bản**). Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Văn phòng HĐND và UBND huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện niêm yết công khai Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, xã, thị trấn theo quy định.

2. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin (*Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Biên tập Công thông tin điện tử huyện*) chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện đăng tải Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai trên Công thông tin điện tử huyện, xã, thị trấn.

3. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai nhằm thực hiện tốt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại trên địa bàn huyện, đảm bảo thời gian xử lý, giải quyết hồ sơ theo quy định.

4. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện các nội dung nêu trên; kịp thời tổng hợp, tham mưu UBND huyện chỉ đạo xử lý.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Lưu: VT-TH(Thanh): *JA*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huyền Thị Lành

Khôn K
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: *905*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính
ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết
ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 sửa đổi, bổ sung thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của bộ trưởng bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản;

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

Căn cứ Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 685/TTr-SNN ngày 07 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện (*danh mục và nội dung thủ tục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, trong đó: Ban hành mới 11 thủ tục (*gồm 08 thủ tục cấp tỉnh, 03 thủ tục cấp huyện*); Sửa đổi, bổ sung 05 thủ tục (*gồm thủ tục có số thứ tự 39 Mục V; thủ tục có số thứ tự 40, 53, 59, 63 Mục VI, Phần A*); Bãi bỏ 10 thủ tục (*gồm thủ tục có số thứ tự 20 Mục III; thủ tục có số thứ tự 73, 74, 80 Mục VI, Phần A; thủ tục có số thứ tự 02, 03, 04, 05, 06, 08 Mục I, Phần B*) đã được ban hành tại Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; các nội dung khác của Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm in ấn, photo đóng thành quyển các thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của quyết định này; cập nhập nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật nội dung, quy trình giải quyết đối với từng thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà; Giám đốc Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

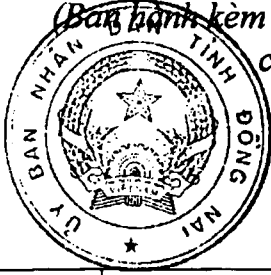
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Trần Văn Vĩnh);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ, Sở NN&PTNT;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 905./QĐ-UBND tỉnh ngày 08/3/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH		
I. Cấp tỉnh		
1. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
1.1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo về thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng	01
1.2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	02
1.3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	05
1.4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	08
1.5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	10
1.6	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	11
2. Lĩnh vực Kiểm lâm		
2.1	Khai thác, tận thu gỗ rừng trồng là rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học	13
2.2	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm: cây trội, lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyên hóa, rừng giống, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom).	14
II. Cấp huyện		

Được Văn phòng

Phu

1. Lĩnh vực Kiểm lâm		
1.1	Khai thác rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	16
1.2	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	17
1.3	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng.	18
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG		
I. Cấp tỉnh		
1. Lĩnh vực Phát triển nông thôn		
1.1	Thủ tục đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	19
2. Lĩnh vực Kiểm lâm		
2.1	Miễn giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức cá nhân sử dụng DVMTR năm trong phạm vi 1 tỉnh)	20
2.2	Thẩm định và phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyên sang sử dụng cho mục đích khác	21
2.3	Cấp phép khai thác Khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng phòng hộ của tổ chức	21
2.4	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con	21
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ		
I. Cấp tỉnh		
1. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón (phân bón hữu cơ và phân bón khác), giống cây trồng.	
2. Lĩnh vực Kiểm lâm		
2.1	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đầu tư để thực hiện các phương án chi trả	

all/ve

Phuc

	dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý
2.2	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý
2.3	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)
II. Cấp huyện	
1. Lĩnh vực Kiểm lâm	
1.1	Thủ tục phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là hộ gia đình
1.2	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của chủ rừng là hộ gia đình
1.3	Thủ tục khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của chủ rừng là hộ gia đình
1.4	Thủ tục khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)
1.5	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)
1.6	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là hộ gia đình (đối với các loại lâm sản danh mục quản lý Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách)